TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH GIANG** TỈNH HẢI DƯƠNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Đức Chính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Duy Tuấn
2. Bà Phạm Thị Tuẫn

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Văn Mạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Đại - Kiểm sát viên

Ngày 30/7/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08/3/2019 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18^{A}/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Vũ Văn T1**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt
2. Bị đơn: Chị **Phạm Thị T2**, sinh năm 1985;
Địa chỉ: Thôn Đ, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn, anh Vũ Văn T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Phạm Thị T2 kết hôn trên cơ sở tự nguyện; trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 29/01/2002. Sau ngày cưới anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng mười năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách và quan điểm sống của anh chị không hòa hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong sinh hoạt hàng ngày, dẫn đến thường xuyên đánh, cãi nhau. Mặt khác, do không tin tưởng nhau, nên mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh chị đã ly thân nhau từ tháng 02/2018 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và không thể kéo dài được nữa, nên đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn chị Phạm Thị T2.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 16/01/2003 và Vũ Việt A, sinh ngày 11/02/2009, hiện do chị T2 nuôi dưỡng. Anh đề nghị giao con cho anh hoặc chị T2 nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Trường hợp chị

T2 nuôi cả hai con chung thì anh cũng nhất trí và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/ tháng cho một con.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị Phạm Thị T2 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác định điều kiện kết hôn của anh chị như anh T1 trình bày là đúng. Về tình trạng hôn nhân, chị xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T1 không tin tưởng, nên không quan tâm đến chị, giữa anh chị thường xảy ra đánh, cãi nhau. Từ tháng 6/2018 anh chị ly thân, không quan tâm gặp gỡ nhau. Nay anh T1 xin ly hôn, chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ vì các con chung đều đã lớn và anh chị đều là người công giáo. Trường hợp anh T1 vẫn cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị với anh T1 có hai con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 16/01/2003 và Vũ Việt A, sinh ngày 11/02/2009, hiện đều do chị nuôi dưỡng. Nếu anh chị ly hôn, các con có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó nuôi dưỡng. Trường hợp chị nuôi cả hai con chung thì yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/ tháng cho một con, cả hai con là 10 triệu đồng/ tháng cho đến khi các con trưởng thành.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Vũ Văn T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung mức tiền anh cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/ tháng cho một con trong trường hợp chị T2 nuôi cả hai con; chị Phạm Thị T2 giữ nguyên ý kiến như đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Văn T1, xử cho anh T1 ly hôn chị Phạm Thị T2; về con chung: Giao hai con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 16/01/2003 và Vũ Việt A, sinh ngày 11/02/2009 cho chị T2 tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh T1 cấp đưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/ tháng cho một con, cả hai con là 5.000.000 đồng/ tháng, từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi; về án phí: Buộc anh Vũ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vũ Văn T1 có đơn khởi kiện xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung giữa anh với chị Phạm Thị T2, cư trú tại: Thôn Đ, xã U, huyện N, tỉnh Hải Dương; quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Anh T1 nộp đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Vũ Văn T1 và chị Phạm Thị T2 được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã U, huyện N, tỉnh hải Dương vào ngày 29/01/2002 là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không tin tưởng nhau trong quan hệ xã hội, không thống nhất trong cách phát triển kinh tế gia đình, dẫn đến thường xảy ra cãi cọ, xô xát. Mặc dù được gia đình khuyên bảo và vợ chồng cũng tự tìm biện pháp, song không giải quyết được mâu thuẫn. Từ tháng 6/2018 anh chị ly thân, không quan tâm, gặp gỡ nhau. Nay anh T1 xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân, nên xin ly hôn chị T2 để ổn định cuộc sống riêng; chị T2 xác định vợ chồng có mâu thuẫn đã kéo dài, hiện sống ly thân, không quan tâm đến nhau, nhưng không nhất trí ly hôn vì các con đã lớn và anh chị đều là người công giáo. Tài liệu xác minh tại địa phương là Thôn Đ, xã U, huyện N, nơi anh chị cư trú, cho thấy mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T2 là có thật và đã kéo dài, anh chị ly thân từ cách đây hơn một năm, đề nghị Tòa án giải quyết việc anh T1 xin ly hôn chị T2 theo quy định của pháp luật. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh T1 và chị T2 đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; có căn cứ để xử cho anh Vũ Văn T1 ly hôn chị Phạm Thị T2.

[3] Về con chung: Anh T1 và chị T2 có hai con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 16/01/2003 và Vũ Việt A, sinh ngày 11/02/2009, đều do chị T2 nuôi dưỡng. Các cháu đều có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng, phù hợp với nguyện vọng của chị T2 là được tiếp tục nuôi cả hai con chung nếu vợ chồng ly hôn. Tuy nhiên, chị T2 yêu cầu anh T1 cấp dưỡng với mức 5.000.000 đồng/ tháng cho một con là cao. Hội đồng xét xử thấy việc anh T1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/ tháng cho một con, cả hai con là 5.000.000 đồng/ tháng, từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp, cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Vũ Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vũ Văn T1.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn T1 ly hôn chị Phạm Thị T2.

2. Về nuôi con chung: Giao cả hai con chung là Vũ Thu H, sinh ngày 16/01/2003 và Vũ Việt A, sinh ngày 11/02/2009 cho chị Phạm Thị T2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T1 cấp dưỡng nuôi con với mức 2.500.000 đồng/ tháng cho một con, cả hai con là 5.000.000 đồng/ tháng, từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị T2 có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh T1 chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Vũ Văn T1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004695 ngày 08/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Anh T1 còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/7/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ninh Giang;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ninh Giang;
- UBND xã U, huyện N *(để ghi vào sổ Hộ tịch)*;
- Lưu hồ sơ vụ án;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Đức Chính